

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 09/6/2023

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thời và bà Nguyễn Thị Tươi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Dũng- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Văn Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 09/6/2023, tại phòng xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 191/2023/TLST-HNGĐ ngày 05/4/2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/5/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26/5/2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1990. Nơi đăng ký hộ khẩu: Khu KH, phường ND, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chỗ ở: Đội 10 thôn MX, xã HL, huyện NG, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **Lê Thanh H2**, sinh năm 1990. Nơi đăng ký hộ khẩu: Khu KH, phường ND, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Khu ngã ba hàng, phường ND, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt).

3. Người làm chứng:

- Bà Đào Thị C, sinh năm 1970; Địa chỉ: Đội 10, thôn MX, xã HL, huyện NG, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt)

- Bà Hoàng Thị H3, sinh năm 1964; Địa chỉ: Khu dân cư KH, phường ND, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai của nguyên đơn- chị Nguyễn Thị H1 thể hiện: Chị và anh Lê Thanh H2 tự do tìm hiểu và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương, anh chị cùng tự nguyện đến Ủy ban nhân dân xã ND (nay là phường ND), thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương đăng ký kết hôn vào ngày 30/10/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng sống vui vẻ với nhau được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có chung quan điểm, cách sống. Mẹ con chị ở nhà ngoại, thỉnh thoảng anh H2 xuống chơi. Một thời gian, chị phát hiện anh H2 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị nói chuyện

thắng thắn nhưng anh H2 không thừa nhận và khẳng định chỉ là bạn bè. Vì con nhỏ và được mọi người khuyên nhủ nên chị bỏ qua. Tháng 01/2020 anh H2 đi xuất khẩu lao động ở Nhật Bản, thỉnh thoảng có gọi điện về. Sau chị lại phát hiện ra anh vẫn có quan hệ đặc biệt với người phụ nữ khác, vẫn liên lạc biết tin tức người này nhưng anh H2 phủ nhận tất cả. Dần dần vợ chồng không còn sự tôn trọng, tin tưởng nhau và luôn bất đồng quan điểm. Khi anh H2 về nước đầu năm 2023, vợ chồng thường xảy ra xô xát, cãi nhau. Chị xác định vợ chồng không thể ngồi nói chuyện được với nhau, anh H2 không nhất trí ly hôn là cố tình gây khó khăn, giả sử chị rút đơn thì hai người vẫn không thể sống vui vẻ vì quan điểm, suy nghĩ của hai bên không còn sự hòa hợp, anh chị không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau. Vì vậy, chị đề nghị được ly hôn anh H2.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Lê Trúc L, sinh ngày 21/7/2018 và Lê Khang Ng, sinh ngày 03/01/2020. Hai con đang ở với chị, do chị chăm sóc từ bé đến nay, các cháu phát triển tốt. Khi vợ chồng ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi hai con cho đến khi các con thành niên, anh H2 có đóng góp tiền nuôi con hay không thì tùy lương tâm, trách nhiệm của anh H2 với các con, chị không yêu cầu. Chị có công việc và thu nhập ổn định, làm nghề làm tóc, thu nhập mỗi tháng trung bình từ 5.000.000đồng đến 7.000.000đồng.

Lời khai của bị đơn- anh Lê Thanh H2 thể hiện: Anh xác định việc đăng ký kết hôn như chị H1 trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, hai bên thỉnh thoảng xảy ra mâu thuẫn rồi lại bỏ qua cho nhau. Tháng 1/2020 anh đi lao động ở Nhật Bản đến tháng 1/2023 thì về. Khi đó vợ chồng vẫn xảy ra cãi nhau trên điện thoại vì quan điểm, suy nghĩ bất đồng. Khi anh về nước muốn cả gia đình sống cùng nhau ở nhà để anh ở thành phố Hải Dương nhưng chị H1 không đồng ý, muốn ở riêng, vợ chồng không thống nhất được. Hai bên xảy ra xô xát. Nay chị H1 xin ly hôn, anh không nhất trí, mong chị H1 suy nghĩ lại, đề nghị Tòa án cho vợ chồng thêm thời gian 1 năm để chị H1 nguôi ngoai, bớt nóng giận. Hiện vợ chồng anh không nói chuyện với nhau, có nhiều quan điểm trái ngược, cần thêm thời gian để tìm tiếng nói chung.

Về con chung: Anh thừa nhận vợ chồng có hai con chung như chị H1 trình bày là đúng. Hai cháu đang ở với chị H1. Nếu vợ chồng ly hôn, anh nhất trí chị H1 tiếp tục nuôi hai con chung. Chị H1 không yêu cầu anh cấp dưỡng cho con, anh nhất trí. Anh vẫn sẽ có trách nhiệm với các con, có nhiều tiền thì anh đưa nhiều, có ít thì đưa ít để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh H2, chị H1 không yêu cầu giải quyết.

Bà Đào Thị C là mẹ đẻ chị H1 trình bày: Sau khi chị H1 sinh con được 1 tháng thì về nhà bà sinh sống cho đến nay, anh H2 thỉnh thoảng xuống thăm vợ con. Chị H1 có nói chuyện với vợ chồng bà là chị phát hiện anh H2 có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, vợ chồng bất đồng quan điểm, không nói chuyện được với nhau, không vui vẻ và thường cãi nhau trên điện thoại cũng như khi gặp trực tiếp. Khi anh H2 về nước, ba mẹ con chị H1 cũng về sống cùng anh H2, 3 ngày sau lại quay về nhà bà do vợ chồng cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau. Anh H2 có xuống nhà bà để nói

chuyện, hàn gắn tình cảm nhưng vợ chồng anh chị luôn cãi nhau, không nói chuyện được với nhau mà thường qua nhắn tin điện thoại và cãi nhau trên điện thoại. Bản thân vợ chồng bà cũng đã động viên chị H1 suy nghĩ kỹ càng, mong muốn các con cháu sống vui vẻ, hạnh phúc, đầm ấm, còn việc ly hôn là do anh chị quyết định. Cá nhân bà nhận thấy anh H2 và chị H1 không có hạnh phúc, không có sự hòa hợp với nhau. Hai con của anh chị là Lê Trúc L và Lê Khang Ng đang do chị H1 chăm sóc, nuôi nấng, các cháu phát triển tốt. Gia đình bà luôn sẵn sàng giúp đỡ, hỗ trợ chị H1 trong việc chăm sóc con và mong Tòa án giao hai con cho chị H1 tiếp tục chăm sóc vì các cháu còn nhỏ. Về kinh tế hai bên không liên quan gì đến nhau. Bà đề nghị giải quyết vắng mặt.

Bà Hoàng Thị H3 là mẹ đẻ của anh H2 trình bày: Về cuộc sống của anh H2 chị H1 bà không để ý, không quan tâm, không gần các con nên không biết giữa anh chị có mâu thuẫn gì, như thế nào. Anh chị đã trưởng thành thì tự lo cho cuộc sống của mình. Bà đề nghị Tòa án hòa giải để anh chị đoàn tụ, không ly hôn để các con, các cháu đỡ khổ, còn bà không có cách nào cả, tùy anh chị quyết định. Nếu anh H2 nuôi con bà sẽ hỗ trợ giúp anh H2 chăm sóc con cùng anh H2.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, quan điểm về việc giải quyết vụ án. Xác định Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng, trong quá trình giải quyết xét xử tại phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H1. Xử cho chị Nguyễn Thị H1 ly hôn anh Lê Thanh H2. Về con chung: Giao con chung cháu Lê Trúc L, sinh ngày 21/7/2018 và cháu Lê Khang Ng, sinh ngày 03/01/2020 cho chị Nguyễn Thị H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H1 không yêu cầu anh H2 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H1 phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo Biên lai thu số AA/2021/0002695 ngày 29/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H1 khởi kiện về việc ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung với bị đơn là anh Lê Thanh H2 đang cư trú tại phường ND, thành phố

Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Do đó vụ án được Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị H1, anh H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, chị H1 có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh H2 vắng mặt lần thứ hai, không có lý do; người làm chứng vắng mặt nhưng trong hồ sơ đã có lời khai trực tiếp với Tòa án. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H1 và anh Lê Thanh H2 là tự nguyện, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền (là Ủy ban nhân dân xã NĐ (nay là phường NĐ), thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh H2 và chị H1 là hợp pháp kể từ ngày đăng ký kết hôn (ngày 30/10/2017). Qua lời khai của đương sự, người làm chứng thấy: Trong cuộc sống hằng ngày, anh H2, chị H1 không cùng chung quan điểm, suy nghĩ, vợ chồng không thể nói chuyện được với nhau, dần dần hai bên không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Chị H1 xin ly hôn, anh H2 thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, không có tiếng nói chung nhưng anh không nhất trí ly hôn và đề nghị Tòa án cho anh chị thêm thời gian (1 năm) để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Quá trình giải quyết, Tòa án đã cho anh chị một khoảng thời gian nhất định, đã tổ chức hòa giải, phân tích động viên cả hai bên nhưng không có kết quả. Khi Tòa án tổ chức phiên tòa xét xử, anh H2 vắng mặt. Qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị H1 và anh H2 không còn hạnh phúc, không còn sự quan tâm, chia sẻ, tôn trọng nhau, mâu thuẫn đã trở lên trầm trọng, cuộc sống chung của anh chị không thể hàn gắn, đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị H1, xử cho chị H1 được ly hôn anh H2 là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị H1 và anh H2 có hai con chung là Lê Trúc L, sinh ngày 21/7/2018 và Lê Khang Ng, sinh ngày 03/01/2020. Hai cháu đang ở cùng chị H1. Trong quá trình giải quyết, anh chị đều đề nghị được nuôi hai con, sau vợ chồng thống nhất nếu vợ chồng ly hôn, chị H1 tiếp tục nuôi hai con. Chị H1 tự nguyện không yêu cầu anh H2 phải cấp dưỡng nuôi con, anh H2 nhất trí.

Hội đồng xét xử thấy: Các con chung của anh chị là cháu Linh, Nguyên đều khỏe mạnh, từ khi sinh ra cho đến nay chị H1 là người trực tiếp chăm sóc các cháu. Anh chị đều là lao động tự do, có thu nhập, đều đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con. Để cuộc sống của các con chung ổn định, anh H2, chị H1 thống nhất để chị H1 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc hai con là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận, quyết định giao hai con chung của anh chị cho chị H1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng cho con: chị H1 tự nguyện không yêu cầu anh H2 cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của đương sự, Hội đồng xét xử chấp nhận, phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật

Hôn nhân và gia đình. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị H1, anh H2 không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị H1 ly hôn anh Lê Thanh H2.

2. Về quan hệ nuôi con: Giao cho chị Nguyễn Thị H1 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Lê Trúc L, sinh ngày 21/7/2018 và Lê Khang Ng, sinh ngày 03/01/2020 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H1 không yêu cầu anh H2 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con.

Anh Lê Thanh H2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H1 phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được đối trừ vào số tiền 300.000đồng chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2021/0002695 ngày 29/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chị H1 đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tp Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự tp Hải Dương;
- Ủy ban nhân dân phường Nam Đồng, tp Hải Dương, tỉnh Hải Dương để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký tên, đóng dấu)

Trịnh Thị Ngọc Mai